

Bản án số: 94/2026/HS-ST

Ngày: 06 - 4 - 2026

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Cảnh Khang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Cần.

2. Bà Phạm Đỗ Huệ Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Trường, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 98/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

**La Minh T**, sinh ngày 20/01/1995, tại tỉnh Đồng Tháp; CCCD số: 087095009580; nơi cư trú: Ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: Làng L, xã I, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn D và bà Phạm Thị V; vợ tên Kpuih L (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

Bị Công an xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Công an xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự số 16/QĐ-XPHC ngày 25/3/2022, bị cáo đã đóng phạt ngày 01/6/2022.

Bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh) Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 131/2018/QĐ-TA ngày 02/4/2018, bị cáo đã chấp hành xong.

Bị Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh) Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

18 tháng theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 95/2020/QĐ-TA ngày 06/5/2020, bị cáo đã chấp hành xong.

Bị Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai) xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 15/4/2025, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2025 tại Trại giam K, Bộ C và chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 03/11/2025.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2025 tại Cơ sở 4 - Trại tạm giam B, Công an Thành phố H đến nay. Có mặt.

- *Bị hại*: Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp V, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn V1. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

La Minh T và Vũ Văn T1 là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Khoảng 13 giờ ngày 24/11/2024, T1 điều khiển xe mô tô biển số 61N1-147.81 đi từ xã T đến xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) để đi công việc. Khi đi đến đoạn đường Đ, khu phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), T1 gặp T đang đi bộ trên đường. Lúc này, T xin T1 đi nhờ xe thì T1 đồng ý. Do T1 đã uống rượu nên T1 giao xe mô tô cho T chở T1. Trên đường đi, T và T1 rủ nhau đến quán R tại khu phố E, thị trấn T (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) để uống bia và ca hát. Sau khi đến quán, T1 và T ngồi uống bia với nhau. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T1 kêu T hùn số tiền 1.000.000 đồng để trả tiền cho quán thì T đồng ý. Tèo mượn điện thoại của T1 để gọi điện thoại cho bạn hỏi mượn tiền nhưng không được, sau đó T hỏi mượn xe mô tô biển số 61N1-147.81 của T1 chạy về phòng trọ để mượn tiền trả tiền quán thì T1 đồng ý và giao xe mô tô biển số 61N1-147.81 cho T sử dụng. Tèo điều khiển xe mô tô biển số 61N1-147.81 đi đến phòng trọ thuộc phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng không mượn được tiền. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 61N1-147.81 để có tiền tiêu xài, T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 61N1-147.81 đi đến khu vực ngã 6 A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (C) thì xe hết xăng, T đẩy bộ một đoạn sau đó bán xe mô tô biển số 61N1-147.81 cho một người nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) được số tiền 1.000.000 đồng. Tèo đón xe khách đi sinh sống tại nhiều nơi khác nhau.

Ngày 26/11/2024, T1 không thấy T trả lại xe mô tô nên đến Công an thị trấn T (nay là Công an xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) trình báo sự việc. Công an thị trấn T (nay là Công an xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) xác minh lập hồ sơ ban đầu chuyên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Đến ngày 08/12/2025, La Minh T đến Công an xã B, Thành phố Hồ Chí Minh đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 61N1-147.81.

Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 28/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự của huyện B, tỉnh Bình Dương, kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen, biển số 61N1-147.81, số máy: E32VE067109, số khung: 3720KY016356 có giá trị 7.333.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 155/CT-VKSK-V17 ngày 18/3/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo La Minh T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố bị cáo La Minh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo La Minh T từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Vũ Văn T1 yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.333.000 đồng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại. Do đó buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 7.333.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo La Minh T nộp số tiền 1.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc bán tài sản chiếm đoạt để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo La Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên; tại phần nói lời sau cùng bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo thể hiện thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về xã hội và gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo La Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của

bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/11/2024, tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo La Minh T mượn xe mô tô biển số 61N1-147.81 của bị hại Vũ Văn T1 giá trị 7.333.000 đồng để sử dụng sau đó chiếm đoạt mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý bởi lẽ về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản người khác trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải và sau khi bỏ trốn bị cáo đã đến cơ quan Công an để đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, bị Công an xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Công an xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự số 16/QĐ-XPHC ngày 25/3/2022; Bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh) Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 131/2018/QĐ-TA ngày 02/4/2018; Bị Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh) Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 95/2020/QĐ-TA ngày 06/5/2020; Bị Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai) xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 15/4/2025 nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Vũ Văn T1 thì bỏ trốn, trong thời gian bỏ trốn bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội và bị Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai) xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 15/4/2025, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo.

[8] Hình phạt theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử điều chỉnh cho phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đối với tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen, biển số 61N1-147.81 có giá trị 7.333.000 đồng không tiến hành xác minh, thu hồi được. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt cho bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 7.333.000 đồng.

[10] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị cáo bán tài sản chiếm đoạt là tiền thu lợi bất chính. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp số tiền này để sung vào Ngân sách nhà nước.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo La Minh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo La Minh T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù từ tính từ ngày 08/12/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo La Minh T bồi thường cho bị hại ông Vũ Văn T1 số tiền 7.333.000 đồng (Bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Buộc bị cáo La Minh T nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung vào Ngân sách Nhà nước là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo La Minh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- CQCSĐT Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- PV06 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Cảnh Khang**